

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TXD23B**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04019**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Cấu tạo kiến trúc**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2355802014735	Ngô Nhật Anh	13/02/2008					6	7.0	7.0	6.0	7.0		7.5		7.2
2	2355802014736	Hồ Bảo Duy	18/01/2008					6	7.0	6.0	7.0	7.0		8.0		7.5
3	2355802014737	Hồ Bảo Duy	21/02/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2355802014738	Ngô Trường Duy	15/07/2007					6	6.0	6.0	7.0	6.0		7.0		6.7
5	2355802014739	Nguyễn Thiên Đạt	16/06/2007					7	7.0	7.0	8.0	7.0		8.0		7.7
6	2355802014740	Trần Thành Đạt	27/02/2008					6	6.0	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6
7	2355802014741	Dương Hữu Đây	26/03/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2355802014742	Lê Văn Tuấn Em	02/05/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
9	2355802014743	Phạm Thanh Hùng Em	06/08/1982					6	6.0	6.0	7.0	6.5		9.0		7.9
10	2355802014744	Trần Minh Hiếu	26/08/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2355802014745	Nguyễn Văn Duy Hòa	16/01/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2355802014746	Nguyễn Minh Khang	14/09/2008					7	6.0	7.0	6.0	7.0		7.0		6.8
13	2355802014747	Ngô Quốc Luân	05/05/2008					8	7.0	7.5	8.0	8.5		7.0		7.3
14	2355802014748	Lê Phùng Minh	15/04/2008					6	6.0	6.0	7.0	7.0		7.0		6.8
15	2355802014749	Cao Thành Nghĩa	24/08/2008					5	6.0	6.0	6.0	6.5		6.0		6.0
16	2355802014750	Lương Hiếu Nghĩa	18/12/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
17	2355802014751	Nguyễn Thành Nghĩa	01/08/2004					8	8.0	7.0	8.0	8.0		10.0		9.1
18	2355802014752	Nguyễn Triệu Thành Nhân	23/08/2008					6	7.0	6.5	6.0	7.0		6.5		6.5
19	2355802014753	Nguyễn Văn Phú	28/11/2008					8	7.0	8.0	6.5	7.0		10.0		8.9
20	2355802014754	Huỳnh Bảo Phúc	12/11/2008					7	7.0	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7
21	2355802014755	Trần Hoàng Phúc	06/03/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2355802014756	Thi Lâm Quốc	07/11/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
23	2355802014757	Nguyễn Phúc Thịnh	15/12/2008					7	7.0	7.0	7.0	8.0		9.0		8.3
24	2355802014758	Trương Hòa Thịnh	31/07/2008					7	6.0	8.0	7.0	7.0		9.0		8.2
25	2355802014759	Dương Văn Thọ	10/03/1991					6	6.0	6.5	7.0	6.0		6.8		6.6
26	2355802014760	Nguyễn Phước Thông	16/03/2008					6	6.0	6.0	7.0	7.0		6.5		6.5
27	2355802014761	Quách Tuấn Thuận	21/10/2008					6	6.0	7.0	6.0	7.0		6.5		6.5
28	2355802014762	Ngô Hữu Tình	12/09/2008					7	7.0	7.0	8.0	7.0		0.0		2.9
29	2355802014763	Nguyễn Hữu Tình	01/09/2008					6.5	6.0	7.0	6.0	7.0		7.5		7.1
30	2355802014764	Nguyễn Trần Hữu Trí	23/01/2008					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
31	2355802014765	Võ Trần Việt Tuyển	11/06/2008					7	7.0	7.0	8.0	7.0		8.5		8.0
32	2355802014766	Hồ Bảo Tường	25/12/2008					6	6.0	6.0	6.5	7.0		8.0		7.3
33	2355802014767	Nguyễn Quốc Việt	18/03/2008					7	6.0	6.0	6.0	6.5		7.5		7.0
34	2355802014768	Nguyễn Trung Vĩnh	13/10/2008					7	6.2	7.0	7.0	7.0		8.5		7.8
35	2355802015239	Nguyễn Chí Khang	08/07/2008					6	6.0	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 2 tháng 2 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Chí Hiếu